



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH, NGHỀ LOGISTICS – TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Chương trình GDNN dựa trên năng lực:
Áp dụng phương pháp của Australia

Hướng dẫn đọc và tham khảo chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành, nghề Logistics trình độ Cao đẳng này được thí điểm xây dựng trong năm 2025 trong khuôn khổ Dự án “Thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp logistics trong giáo dục nghề nghiệp” thuộc Chương trình Aus4Skills.

Chương trình này được thiết kế nhằm hỗ trợ cơ quan quản lý Nhà nước, các cơ sở GDNN hiểu sâu hơn về phương pháp tiếp đào tạo và đánh giá dựa theo năng lực (*Competency-Based Training and Assessment - CBTA*) của Australia đồng thời hỗ trợ việc cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành, nghề Logistics trình độ Cao đẳng theo quy định của Việt Nam.

Để thuận tiện cho việc nghiên cứu, tham khảo tài liệu này, chúng tôi cung cấp hướng dẫn và làm rõ một số thuật ngữ như sau:

1. Hướng dẫn chung

Cấu trúc của chương trình theo mẫu của Australia (với mục đích như đề cập ở trên là nhằm hỗ trợ người học hiểu sâu hơn về phương pháp CBTA của Úc). Chương trình được thiết kế theo mô-đun nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên thông. Người đọc có thể thấy có nhiều điểm tương đồng về cấu trúc giữa chương trình của Australia và Việt Nam hiện nay đặc biệt mẫu chương trình đào tạo của Việt Nam theo thông tư 01/2024/TT-LĐTĐ hiện nay bao gồm bảng các năng lực.

Người học có thể tham khảo nội dung của chương trình đặc biệt là chuẩn đầu ra được xác định, các đơn vị năng lực trong tài liệu này khi xây dựng, cập nhật các mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp (GDNN) của Việt Nam do chương trình này được xây dựng căn cứ chuẩn đầu ra đối với *Bậc 5 Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF)*, kết quả nghiên cứu tài liệu liên quan, thu thập ý kiến của doanh nghiệp logistics tại Việt Nam, ý kiến góp ý tham vấn của các chuyên gia, doanh nghiệp, cơ sở GDNN và tham khảo gói đào tạo Vận tải và Logistics của Úc.

2. Một số thuật ngữ trong Chương trình và hướng dẫn cụ thể

2.1. Điểm kết thúc sớm (Early Exit Point): Theo mô hình của Úc, để tăng tính linh hoạt, chương trình có thể xem xét cấp Giấy chứng nhận năng lực (Statement of Attainment) cho người học hoàn thành một nhóm các đơn vị năng lực cốt lõi nhưng không thể theo hết toàn bộ khóa học. Đây là một đề xuất quan trọng nhằm ghi nhận các kỹ năng mà người học đã đạt được và hỗ trợ họ trên con đường

học tập suốt đời.

2.2. Về khối lượng và thời lượng học tập (Volume of Learning)

Chương trình sử dụng các thuật ngữ theo Khung trình độ Australia (AQF) để mô tả thời lượng khóa học.

- **Số giờ có giám sát (Nominal/Supervised hours):** Là tổng thời gian dự kiến cho tất cả các hoạt động học tập và đánh giá có cấu trúc và có sự giám sát của giảng viên (lý thuyết trên lớp, thực hành tại xưởng, học trực tuyến có hướng dẫn, các bài kiểm tra được giám sát). Thuật ngữ này tương đương với "thời gian thực học" theo cách hiểu thông thường tại Việt Nam.

- **Số giờ không có giám sát (Unsupervised hours):** Là thời gian ước tính mà một người học cần dành cho các hoạt động học tập có cấu trúc nhưng không có sự giám sát trực tiếp. Kết quả của các hoạt động này (bài tập, dự án, báo cáo thực tập,...) là một phần minh chứng quan trọng trong quá trình đánh giá.

- **Tổng khối lượng học tập (Volume of Learning):** Là tổng của Số giờ có giám sát và Số giờ không có giám sát, phản ánh toàn bộ nỗ lực học tập mà người học cần đầu tư để hoàn thành chương trình.

- **Tín chỉ (Credits):** Hệ thống tín chỉ được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn tham chiếu chung, trong đó mỗi tín chỉ tương đương với một khối lượng học tập nhất định, bao gồm cả giờ có giám sát và không có giám sát, đảm bảo sự tương thích với các hệ thống tín chỉ quốc gia và khu vực.

2.3. Về kỹ năng nền tảng, chuẩn đầu ra và cấu trúc chương trình

a. Kỹ năng nền tảng (Foundation Skills): Chương trình nhấn mạnh tầm quan trọng của các kỹ năng nền tảng (như năng lực số, giải quyết vấn đề, giao tiếp,...). Để đảm bảo các kỹ năng này được tích hợp và đánh giá một cách có hệ thống, chương trình có ma trận đánh giá Kỹ năng nền tảng (Foundation Skills Mapping Matrix). Ma trận này sẽ chỉ rõ mỗi kỹ năng nền tảng được lồng ghép, giảng dạy và đánh giá trong những đơn vị năng lực cụ thể nào.

b. Chuẩn đầu ra và Cấu trúc CTĐT: Chương trình này có cấu trúc hơi khác so với mẫu quy định của Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH. Dưới đây là cách hiểu và ánh xạ các mục:

- **Mục 2. Kết quả dự kiến của chương trình (Vocational or educational outcomes):** Đây là mục tiêu tổng thể của chương trình.

Mục 2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình (Course outcomes): Mô tả các vị trí việc làm người học có thể đảm nhận và các năng lực cốt lõi mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Nội dung này tương đương với "Mục tiêu đào tạo cụ thể" và "Chuẩn đầu ra về Kiến thức, Kỹ năng, Mức độ tự chủ và trách nhiệm" theo quy định của Việt Nam.

- **Đơn vị năng lực (Unit of Competency - UoC):**

Mỗi UoC trong chương trình này có thể được sử dụng như *Môn học/Mô-đun* trong CTĐT của Việt Nam. Toàn bộ chương trình được xây dựng dựa trên việc phân tích các nhiệm vụ và công việc thực tế của ngành, từ đó hình thành nên các đơn vị năng lực cần trang bị cho người học.

+ **Năng lực tự chọn (Elective Units):** Năng lực tự chọn tương đương các *Môn học/Mô-đun* tự

chọn trong hệ thống tín chỉ của Việt Nam. Chương trình cung cấp một danh sách các năng lực tự chọn đa dạng, từ đó người học sẽ lựa chọn một số lượng nhất định (ví dụ: chọn 4 trong 10 UoC) để hoàn thành khóa học. Các nhóm năng lực tự chọn này được thiết kế để người học có thể theo đuổi các định hướng chuyên sâu khác nhau như Vận tải quốc tế, Phân tích dữ liệu, hoặc Quản lý chất lượng, tùy thuộc vào thể mạnh và mục tiêu nghề nghiệp. Việc này không chỉ giúp người học định hướng chuyên sâu theo thể mạnh và sở thích cá nhân mà còn giúp chương trình đào tạo linh hoạt, đáp ứng được các nhu cầu chuyên biệt của thị trường lao động.

2.4. Về phương pháp giảng dạy và đánh giá

- **Tích hợp lý thuyết - thực hành:** Phương pháp giảng dạy chủ đạo là **tích hợp**. Các kiến thức lý thuyết, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp được lồng ghép trong từng hoạt động học tập thông qua các bài tập tình huống, dự án mô phỏng thực tế. Do đó, chương trình không phân chia rạch ròi thành giờ lý thuyết và giờ thực hành cho từng Môn học/Mô đun, mà tập trung vào việc hình thành năng lực toàn diện cho người học.

- **Đánh giá dựa trên năng lực (Competency-Based Assessment):** Việc đánh giá không chỉ tập trung vào việc người học "biết gì" mà quan trọng hơn là "làm được gì". Việc đánh giá sẽ được thực hiện liên tục thông qua nhiều hình thức (quan sát thực hành, đánh giá sản phẩm, bài tập tình huống, đóng vai, kiểm tra kiến thức,...) để thu thập đầy đủ bằng chứng về năng lực của người học.

2.5. Về đảm bảo chất lượng trong đào tạo và đánh giá

- Hoạt động xác nhận trong đánh giá kết quả học tập (Validation) (là hoạt động nhằm đảm bảo rằng đánh giá kết quả học tập là công bằng, đáng tin cậy và hợp lệ).

- Hoạt động điều chỉnh trong đánh giá kết quả học tập (Moderation) (là hoạt động nhằm đảm bảo tính nhất quán và công bằng trong đánh giá (ví dụ chấm chéo, họp để thống nhất)).

- Giám sát và Cải tiến liên tục: Chất lượng chương trình sẽ được giám sát thông qua các Chỉ số đo lường hiệu suất chính (KPIs) như: tỷ lệ hoàn thành khóa học, tỷ lệ có việc làm đúng ngành, và dữ liệu khảo sát sự hài lòng của doanh nghiệp tuyển dụng.

Mục lục

HƯỚNG DẪN ĐỌC VÀ THAM KHẢO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH.....	4
1.1 .Tên của chương trình đào tạo.....	4
1.2. Thời lượng học tập	4
2. KẾT QUẢ DỰ KIẾN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (VOCATIONAL OR EDUCATIONAL OUTCOMES).....	4
2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (course outcomes).....	4
2.2. Nhu cầu của Ngành, hệ thống giáo dục, hệ thống pháp lý, doanh nghiệp hoặc cộng đồng	6
2.3. Bậc trình độ	8
2.4. Kỹ năng nền tảng.....	8
2.5. Cấu trúc chương trình đào tạo.....	9
2.6. Yêu cầu đầu vào	13
3. ĐÁNH GIÁ, GIẢNG DẠY VÀ NGUỒN LỰC.....	14
3.1 Chiến lược đánh giá	14
3.2. Năng lực của đánh giá viên	16
3.3. Hình thức đào tạo	16
3.4. Nguồn lực	17
4. LỘ TRÌNH HỌC TẬP VÀ LIÊN THÔNG	19
5. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ.....	19

1. Thông tin về chương trình

1.1 Tên của chương trình đào tạo

- Tiếng Việt: Chương trình đào tạo ngành, nghề Logistics trình độ Cao đẳng
- Tên tiếng Anh: Advanced Diploma of Logistics

1.2 Thời lượng học tập

- Số giờ học danh nghĩa (có giám sát):

Số giờ danh nghĩa (có giám sát) là số giờ dự kiến dành cho các hoạt động học tập và đánh giá có cấu trúc và có giám sát, bao gồm học trực tiếp, trực tuyến và đào tạo từ xa, như được liệt kê trong mục B của bảng cấu trúc chương trình đào tạo.

- + Số đơn vị năng lực bắt buộc (Core UOCs): 25
- + Số đơn vị năng lực tự chọn (Elective UOCs): 04
- + Tổng số giờ các đơn vị năng lực bắt buộc (Core UOCs): **1.245 giờ**
- + Tổng số giờ các đơn vị năng lực tự chọn (Electives UOCs): **180 giờ**.
- + Tổng số giờ học danh nghĩa (có giám sát): **1.245 + 180 = 1.425 giờ**.
- Số giờ học không có giám sát (ước tính): **713 giờ**

Số giờ không có giám sát là các hoạt động giúp đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà không có sự giám sát từ giảng viên hoặc chuyên viên đánh giá của cơ sở GDNN. Theo hướng dẫn của Khung trình độ Úc (AQF), các hoạt động này bao gồm: thực hiện dự án, tự nghiên cứu tài liệu, thực hành tại doanh nghiệp, làm bài tập trực tuyến, chuẩn bị cho đánh giá,...

Khối lượng học tập:

- o 1.425 giờ (có giám sát) + 713 giờ (không có giám sát) = **2.138 giờ**.
- o Số tín chỉ (tham chiếu): **60 tín chỉ**

2. Kết quả dự kiến của Chương trình đào tạo (Vocational or Educational Outcomes)

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (course outcomes)

a. Các vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và thái độ phù hợp để đảm nhận các vị trí công việc phổ biến trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng tại các doanh

nghịệp, bao gồm:

- Nhân viên/Chuyên viên Kho & Quản lý Hàng tồn kho (Warehouse & Inventory Staff/Specialist)
- Nhân viên/Chuyên viên Vận tải & Điều phối (Transportation & Coordination Staff/Specialist)
- Nhân viên/Chuyên viên Dịch vụ khách hàng & Xử lý đơn hàng Logistics (Logistics Customer Service & Order Processing Staff/Specialist)
- Nhân viên/Chuyên viên Chứng từ & Thủ tục xuất nhập khẩu/Hải quan (Import-Export & Customs Documentation Staff/Specialist)
- Nhân viên/Chuyên viên Kinh doanh Logistics (Logistics Sales Staff/Business Development Officer)
- Nhân viên Logistics (Logistics Officer) / Nhân viên Hỗ trợ nghiệp vụ Logistics
- Giám sát/Điều phối Kho (Warehouse Supervisor/Coordinator) (ở cấp độ đầu vào hoặc sau một thời gian tích lũy kinh nghiệm).
- Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp hiệu quả trong môi trường đội nhóm, thích ứng với yêu cầu công việc đa dạng và áp lực cao của ngành.
- Có năng lực tự học, cập nhật kiến thức, công nghệ mới và các quy định pháp luật thay đổi để không ngừng phát triển chuyên môn và đáp ứng sự phát triển của ngành Logistics.

b. Chức năng/nhiệm vụ/kỹ năng chuyên môn (Năng lực cốt lõi)

- Vận dụng kiến thức tổng quan về logistics, chuỗi cung ứng, các phương thức vận tải, và vai trò của logistics trong hoạt động kinh doanh.
- Quản lý và vận hành kho: Thực hiện, giám sát và cải tiến cơ bản quy trình nhập, xuất, lưu trữ, bảo quản, sắp xếp (theo FIFO, LIFO), kiểm kê hàng hóa; sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý kho (WMS); đảm bảo an toàn, an ninh và 5S trong kho.
- Điều phối vận tải: Lập kế hoạch vận tải cơ bản, lựa chọn phương thức và nhà cung cấp dịch vụ vận tải, điều phối phương tiện, theo dõi lộ trình và xử lý các vấn đề phát sinh; sử dụng phần mềm quản lý vận tải (TMS) ở mức độ cơ bản.
- Nghiệp vụ Xuất nhập khẩu và Hải quan: Chuẩn bị, kiểm tra và quản lý bộ chứng từ xuất nhập khẩu (hợp đồng, invoice, packing list, C/O, B/L, AWB); áp dụng Incoterms; thực hiện khai báo hải quan điện tử (ECUS/VNACCS); tra cứu và áp mã HS cơ bản; tính toán các loại thuế xuất nhập khẩu cơ bản.
- Dịch vụ khách hàng Logistics: Tiếp nhận và xử lý yêu cầu/đơn hàng; tư vấn dịch vụ; theo dõi và cập nhật tình trạng đơn hàng; giải quyết khiếu nại của khách hàng ở mức độ cơ bản; sử dụng phần mềm CRM.
- Kinh doanh Logistics: Hỗ trợ tìm kiếm khách hàng tiềm năng, giới thiệu dịch vụ, soạn thảo báo giá theo mẫu và đàm phán các điều khoản dịch vụ cơ bản.
- An toàn, An ninh và Tuân thủ: Áp dụng và giám sát việc tuân thủ các quy định về an toàn lao động, PCCC, an ninh hàng hóa và các quy trình, quy định pháp luật liên quan đến hoạt động logistics.

- **Năng lực số:** Sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel nâng cao để phân tích dữ liệu và lập báo cáo), email và các công cụ giao tiếp trực tuyến; khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin chuyên ngành (WMS, TMS, ECUS/VNACCS).

- **Ngoại ngữ:** Sử dụng tiếng Anh chuyên ngành Logistics ở mức độ trung cấp để đọc hiểu chứng từ, tài liệu chuyên ngành, soạn thảo email giao dịch và giao tiếp cơ bản với đối tác nước ngoài.

- **Kỹ năng mềm:** Giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, ra quyết định tác nghiệp, đàm phán cơ bản, quản lý thời gian và tổ chức công việc cá nhân, tư duy phản biện và học hỏi liên tục.

- **Vận dụng kiến thức liên ngành:** Áp dụng các hiểu biết cơ bản về quản lý chuỗi cung ứng, logistics trong thương mại điện tử, các phương pháp cải tiến quy trình (5S, Kaizen), và quản lý rủi ro vào các tình huống công việc cụ thể.

2.2. Nhu cầu của Ngành, hệ thống giáo dục, hệ thống pháp lý, doanh nghiệp hoặc cộng đồng

Nhu cầu của Ngành,
Hệ thống giáo dục,
Hệ thống pháp lý,
Doanh nghiệp hoặc
Cộng đồng

Nhu cầu xây dựng và cập nhật Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng ngành, nghề Logistics (Mã ngành: 6340113) xuất phát từ yêu cầu cấp thiết của thị trường lao động và định hướng phát triển ngành dịch vụ logistics Việt Nam. Nhóm tác giả đã thực hiện khảo sát các vị trí việc làm trong ngành/nghề logistics và đã xây dựng Báo cáo Phân tích chi tiết nhu cầu từ các doanh nghiệp trong lĩnh vực Logistics và các ngành liên quan (thực hiện tháng 4/2025).

Các phát hiện chính từ khảo sát doanh nghiệp bao gồm:

- **Nhu cầu vị trí việc làm (VTVL) đa dạng:** Doanh nghiệp hiện đang tuyển dụng nhiều VTVL phổ biến ở cấp độ nhân viên/chuyên viên, đặc biệt là các vị trí như: Nhân viên Dịch vụ khách hàng Logistics, Nhân viên Kinh doanh Logistics, Nhân viên Chứng từ & Thủ tục xuất nhập khẩu/Hải quan. Khảo sát cũng cho thấy nhu cầu về các vị trí như Nhân viên Mua hàng Logistics và nhân sự tham gia vào cải tiến quy trình ở cấp độ Cao đẳng.
- **Yêu cầu cao về Năng lực số:** Đa số doanh nghiệp nhấn mạnh tầm quan trọng của việc sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành như Hệ thống quản lý kho (WMS), Hệ thống quản lý vận tải (TMS) và phần mềm khai báo Hải quan điện tử (ECUS/VNACCS). Kỹ năng sử dụng Excel nâng cao để phân tích dữ liệu và lập báo cáo cũng là một yêu cầu phổ biến.
- **Tầm quan trọng của Ngoại ngữ (Tiếng Anh chuyên ngành):** Doanh nghiệp yêu cầu nhân sự trình độ Cao đẳng có khả năng sử dụng Tiếng Anh chuyên ngành Logistics hiệu quả (đọc hiểu chứng từ, email giao

dịch, giao tiếp cơ bản).

- **Nhấn mạnh Kỹ năng mềm và Nghiệp vụ thực tế:** Ngoài kiến thức chuyên môn, các kỹ năng như giải quyết vấn đề, ra quyết định tác nghiệp, đàm phán cơ bản, chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp, và khả năng làm việc dưới áp lực được doanh nghiệp đánh giá cao.
- **Nhu cầu cập nhật Kiến thức:** Doanh nghiệp mong muốn nhân sự có kiến thức tổng quan về Quản lý Chuỗi cung ứng (SCM), hiểu biết về Logistics trong thương mại điện tử, các phương pháp cải tiến quy trình và quản lý chất lượng cơ bản (5S, Kaizen), và kiến thức về quản lý rủi ro trong hoạt động logistics. Cập nhật thường xuyên kiến thức pháp luật chuyên ngành (Luật Hải quan, Luật Thương mại, Incoterms, FTA) cũng rất cần thiết.

Sự ủng hộ từ các bên liên quan:

Chương trình đào tạo này được phát triển dựa trên mong muốn của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối tác và chưa là đối tác của Chương trình Au4skills về một bộ chương trình đào tạo ngành logistics vận dụng phương pháp đào tạo và đánh giá theo năng lực thực hiện theo mô hình của Australia, làm cơ sở để các trường vận dụng phát triển chương trình đào tạo cho trường mình.

Chương trình đào tạo này được phát triển dựa trên sự nỗ lực không ngừng của Chương trình Aus4skills về việc chuyển giao phương pháp đào tạo và đánh giá theo năng lực thực hiện của Australia thông qua các hoạt động xuyên suốt pha 1 và pha 2. Chương trình Au4skills đã ủng hộ, khuyến khích và hỗ trợ về mọi mặt để nhóm các chuyên gia phát triển chương trình đào tạo này.

Chương trình đào tạo này được xây dựng dựa trên sự phân tích sâu rộng nhu cầu của các doanh nghiệp logistics đại diện cho các lĩnh vực hoạt động đa dạng trong ngành (giao nhận, kho bãi, vận tải, sản xuất, thương mại điện tử,...) và các quy mô khác nhau. Quá trình tham vấn ý kiến chuyên gia từ Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA), Hội đồng tư vấn kỹ năng nghề Logistics (LIRC), các trường đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có uy tín đào tạo ngành Logistics,... đã xác nhận tính cấp thiết và sự phù hợp của các đề xuất cập nhật.

Tính không trùng lặp:

Chương trình đào tạo này, với các cập nhật về VTVL, kỹ năng và kiến thức, nhằm mục tiêu thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo và nhu cầu thực tế, đảm bảo tính cập nhật và không trùng lặp một cách máy móc với các chương trình hiện có mà tập trung vào việc trang bị những năng lực mà doanh

ngành đang thực sự cần ở nhân sự trình độ Cao đẳng.

Công tác thẩm định cuối cùng về cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo đã được thống nhất tại cuộc họp kiểm định chương trình đào tạo vào ngày 7/7/2025.

2.3. Bậc trình độ

Chương trình đào tạo ngành, nghề Logistics trình độ Cao đẳng được thiết kế để đảm bảo các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học tương ứng với **Bậc 5** trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF).

Cụ thể, sau khi hoàn thành chương trình, người học sẽ đạt được:

- **Kiến thức:** Có kiến thức lý thuyết rộng và kiến thức thực tế, thực hành chuyên sâu về các nghiệp vụ cốt lõi của ngành Logistics (kho vận, vận tải, giao nhận, xuất nhập khẩu, quản lý chuỗi cung ứng cơ bản); hiểu biết về các nguyên lý, quy trình, công nghệ và các quy định pháp lý liên quan. Có khả năng vận dụng kiến thức để giải thích các hiện tượng, phân tích các tình huống và đề xuất giải pháp trong phạm vi công việc.

- **Kỹ năng:** Có kỹ năng nhận thức để xác định, phân tích và đánh giá thông tin; kỹ năng nghề nghiệp thành thạo để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp, giải quyết các vấn đề thường gặp trong hoạt động logistics; kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và văn bản (tiếng Việt và tiếng Anh chuyên ngành cơ bản); kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác trong đội nhóm; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và các phần mềm chuyên dụng.

- **Mức độ tự chủ và trách nhiệm:** Có khả năng làm việc độc lập trong các điều kiện thay đổi, tự định hướng và đưa ra các quyết định tác nghiệp; có khả năng giám sát, đánh giá hoạt động của cá nhân và nhóm nhỏ; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm về kết quả công việc được giao.

Chương trình đào tạo này xác nhận rằng các kiến thức và kỹ năng được trang bị cho người học phù hợp với các yêu cầu của Bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF).

2.4. Kỹ năng nền tảng

Các kỹ năng nền tảng là bộ phận thiết yếu của mỗi đơn vị năng lực trong chương trình đào tạo này và sẽ được hình thành, phát triển và đánh giá tích hợp trong quá trình học tập các đơn vị năng lực. Các kỹ năng nền tảng chính bao gồm:

- Kỹ năng đọc hiểu (Comprehension skills)
- Kỹ năng viết (Writing skills)
- Kỹ năng giao tiếp bằng lời nói (Oral communication skills)
- Kỹ năng tính toán (Numeracy skills)
- Kỹ năng học tập (Learning skills)
- Kỹ năng giải quyết vấn đề (Problem-solving skills)

- Kỹ năng đưa ra sáng kiến và kinh doanh (Initiative and enterprise skills)
- Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork skills)
- Kỹ năng làm việc đa nhiệm (Multi - tasking skills)
- Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức (Planning and organizing skills)
- Kỹ năng tự quản lý (Self-management skills)
- Kỹ năng công nghệ (Technology skills)

2.5. Cấu trúc chương trình đào tạo

Để đạt trình độ Cao đẳng ngành, nghề Logistics, người học phải hoàn thành **29 đơn vị năng lực**, bao gồm **25 đơn vị năng lực bắt buộc (Core units of competency)** và lựa chọn **04** trong 10 **đơn vị năng lực tự chọn (Elective units of competency)** được liệt kê dưới đây.

Bảng cấu trúc chương trình đào tạo:

Mã đơn vị năng lực (Đề xuất)	Tên đơn vị năng lực	Lĩnh vực đào tạo (FOE) ¹	Điều kiện tiên quyết	Số giờ danh nghĩa (GD)
Đơn vị năng lực bắt buộc (Core Units)				
CDLOG.CORE.001	Ứng dụng kiến thức Logistics và Chuỗi cung ứng cơ bản		Không	60
CDLOG.CORE.002	Áp dụng quy trình An toàn lao động và đảm bảo sức khỏe tại nơi làm việc		Không	45
CDLOG.CORE.003	Áp dụng biện pháp an ninh, an toàn hàng hóa		CDLOG.CORE.002	45
CDLOG.CORE.004	Làm việc nhóm hiệu quả		Không	45
CDLOG.CORE.005	Giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc		Không	45

¹ Dựa trên hệ thống phân loại ASCED (Australian Standard Classification of Education) - tiêu chuẩn phổ biến để mã hóa FOE, các đơn vị năng lực trên chủ yếu thuộc FOE: 0899 - Logistics and Transport (Logistics và Vận tải)

Mã đơn vị năng lực (Đề xuất)	Tên đơn vị năng lực	Lĩnh vực đào tạo (FOE) ¹	Điều kiện tiên quyết	Số giờ danh nghĩa (CĐ)
CDLOG.CORE.006	Nhận và lưu trữ hàng hóa		CDLOG.CORE.001, 002, 003	60
CDLOG.CORE.007	Sắp xếp và bảo quản hàng hóa		CDLOG.CORE.001, 002, 003, 006	30
CDLOG.CORE.008	Tổ chức xuất hàng		CDLOG.CORE.001, 002, 003, 006, 007	60
CDLOG.CORE.009	Vận hành thiết bị kho cơ bản		CDLOG.CORE.002	30
CDLOG.CORE.010	Xử lý thông tin hàng hóa cơ bản		CDLOG.CORE.001	45
CDLOG.CORE.011	Quản lý hàng tồn kho		CDLOG.CORE.001, 006, 007, 008, 010	60
CDLOG.CORE.012	Sử dụng phần mềm Logistics		CDLOG.CORE.001, 010	75
CDLOG.CORE.013	Giám sát vận hành kho		CDLOG.CORE.001, 002, 003, 004, 005, 006, 007, 008, 011, 012	60
CDLOG.CORE.014	Tổ chức vận tải hàng hóa		CDLOG.CORE.001, 005, 010, 016	45
CDLOG.CORE.015	Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp dịch vụ Logistics		CDLOG.CORE.001, 004, 005, 010	60
CDLOG.CORE.016	Giao nhận hàng hóa		CDLOG.CORE.001, 010	60
CDLOG.CORE.017	Khai báo hải quan		CDLOG.CORE.001, 010, 012, 016	45
CDLOG.CORE.018	Ứng dụng công nghệ		CDLOG.CORE.001, 010,	45

Mã đơn vị năng lực (Đề xuất)	Tên đơn vị năng lực	Lĩnh vực đào tạo (FOE) ¹	Điều kiện tiên quyết	Số giờ danh nghĩa (CĐ)
	trong quản lý logistics		012	
CDLOG.CORE.019	Vận dụng pháp luật về logistics và vận tải		CDLOG.CORE.001	45
CDLOG.CORE.020	Vận dụng chính sách thuế xuất nhập khẩu		CDLOG.CORE.001, 010, 017, 019	45
CDLOG.CORE.021	Đàm phán hợp đồng		CDLOG.CORE.001, 005, 019	45
CDLOG.CORE.022	Xây dựng và duy trì quan hệ công việc		CDLOG.CORE.004, 005	45
CDLOG.CORE.023	Sử dụng Tiếng Anh chuyên ngành Logistics		CDLOG.CORE.001 Yêu cầu trình độ tiếng Anh đầu vào cơ bản	60
CDLOG.CORE.024	Điều phối nhóm làm việc		CDLOG.CORE.004, 005	45
CDLOG.CORE.025	Áp dụng nguyên tắc Chuỗi cung ứng bền vững (Logistics xanh)		CDLOG.CORE.001	45
Tổng số giờ danh nghĩa (đơn vị năng lực bắt buộc)				1.245
Đơn vị năng lực tự chọn (Elective Units) - Người học chọn 4 đơn vị:				
CDLOG.ELEC.001	Quản lý vận chuyển hàng hóa quốc tế		CDLOG.CORE.001, 014, 016, 017, 021, 023	45
CDLOG.ELEC.002	Phân tích chi phí logistics		CDLOG.CORE.001, 010	45
CDLOG.ELEC.003	Thực hiện nghiệp vụ giao nhận hàng không và đường biển		CDLOG.CORE.001, 016, 017, 021, 023; CDLOG.ELEC.001	45

Mã đơn vị năng lực (Đề xuất)	Tên đơn vị năng lực	Lĩnh vực đào tạo (FOE) ¹	Điều kiện tiên quyết	Số giờ danh nghĩa (CĐ)
CDLOG.ELEC.004	Xử lý thông tin Logistics hàng nguy hiểm và hàng đặc biệt		CDLOG.CORE.001, 002, 003, 010	45
CDLOG.ELEC.005	Quản lý vận tải đa phương thức		CDLOG.CORE.001, 014, 016, 023; CDLOG.ELEC.001	45
CDLOG.ELEC.006	Vận hành Logistics trong thương mại điện tử		CDLOG.CORE.001, 006, 008, 011, 012, 018	45
CDLOG.ELEC.007	Quản lý chuỗi cung ứng lạnh		CDLOG.CORE.001, 002, 003, 006, 007, 014	45
CDLOG.ELEC.008	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng		CDLOG.CORE.001, 005, 010	45
CDLOG.ELEC.009	Thực hiện cải tiến liên tục		CDLOG.CORE.001, 004, 005, 010	45
CDLOG.ELEC.010	Tham gia tuyển dụng và tổ chức công việc		CDLOG.CORE.004, 005, 024	45
Tổng số giờ danh nghĩa				180
Tổng số giờ danh nghĩa (Toàn chương trình)				1.425

Khối lượng học tập:

- Số giờ danh nghĩa (có giám sát): **1.425 giờ**
- Số giờ không có giám sát: **713 giờ**
- **Tổng khối lượng học tập: 2.138 giờ**

Để hoàn thành chương trình đào tạo, người học cần tham gia các hoạt động không có giám sát, bao gồm:

- Thực hiện các bài tập, dự án cá nhân và nhóm theo yêu cầu của từng đơn vị năng lực.
- Tự học, nghiên cứu tài liệu để mở rộng và củng cố kiến thức chuyên môn.
- Tìm hiểu thông tin, cập nhật các xu hướng mới và quy định của ngành Logistics.

- Thực hành các kỹ năng đã học vào các tình huống mô phỏng hoặc thực tế (thông qua các bài tập tình huống, dự án giả lập hoặc thực tập tại doanh nghiệp nếu có).

- Chuẩn bị cho các bài kiểm tra và đánh giá theo yêu cầu của chương trình.

Các hoạt động thuộc số giờ có giám sát và không có giám sát:

Có giám sát (danh nghĩa)	Không có giám sát
<ul style="list-style-type: none"> • Đào tạo và đánh giá trong Hệ thống Quản lý Học tập (LMS) • Đào tạo và đánh giá tại lớp học • Kiểm tra trực tuyến • Hội thảo trực tuyến • Các buổi học trực tuyến có giám sát • Thực hành tại phòng máy tính, phòng thực hành mô phỏng • Buổi học với chuyên gia/doanh nghiệp (Guest lectures/Industry talks) • Hướng dẫn đồ án/dự án tốt nghiệp (nếu có) 	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hành tại kho, bãi, cảng văn phòng của doanh nghiệp • Tham quan, thực tế tại doanh nghiệp • Hoàn thành tiểu luận, báo cáo, đề án • Tự học để ôn tập và củng cố kiến thức • Thực hiện nghiên cứu để cập nhật thông tin về ngành • Tham quan thực tế doanh nghiệp (Field trips - phần tự tìm hiểu sau chuyến đi) • Chuẩn bị cho các bài thuyết trình/báo cáo nhóm. • Hoàn thành các bài tập trực tuyến không đồng bộ (asynchronous online assignments)

Điểm kết thúc sớm trong một khóa học (Early exit point):

Chương trình không thiết kế điểm kết thúc sớm chính thức. Tuy nhiên, người học hoàn thành một số đơn vị năng lực nhất định có thể được xem xét công nhận một phần khi chuyển sang các chương trình đào tạo khác có liên quan, theo quy định của cơ sở đào tạo và đơn vị tiếp nhận.

Cấp Giấy chứng nhận hoàn thành đơn vị năng lực:

Trong trường hợp người học chưa hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng ngành, nghề Logistics, người học sẽ được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành cho bất kỳ đơn vị năng lực nào mà họ đã học và được đánh giá đạt yêu cầu.

2.6. Yêu cầu đầu vào

- Người học đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Có đủ sức khỏe để theo học theo quy định hiện hành.

- Đối với sinh viên khuyết tật: Chương trình đào tạo này phù hợp với người học có dạng khuyết tật vận động với mức độ khuyết tật nhẹ. Đối với các dạng tật và mức độ khuyết tật khác, cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải tham vấn với các đơn vị có chuyên môn liên quan để tư vấn cho người học cho

phù hợp.

- *(Khuyến nghị, không bắt buộc)*: Có khả năng đọc hiểu tài liệu tiếng Anh cơ bản do một số tài liệu tham khảo và thuật ngữ chuyên ngành có thể sử dụng tiếng Anh.

3. Đánh giá, giảng dạy và nguồn lực

3.1 Chiến lược đánh giá

Chương trình đào tạo ngành, nghề Logistics trình độ Cao đẳng vận dụng chiến lược đánh giá theo phương pháp năng lực thực hiện (Competency Based Assessment) của Australia trên cơ sở tuân thủ các quy định về đánh giá dành cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định hiện hành của Cơ quan quản lý nhà nước.

Chiến lược đánh giá phải chỉ rõ các phương pháp đánh giá sẽ được sử dụng cho các đơn vị năng lực và được mô tả rõ trong hướng dẫn đánh giá (Assessment Guide) trong chương trình đào tạo của các đơn vị năng lực đảm bảo phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc 5) và đặc thù của ngành, nghề Logistics.

Quá trình đánh giá có thể sử dụng linh hoạt nhiều phương pháp đánh giá khác nhau giúp đưa ra các quyết định có giá trị và nhìn nhận được những hình thức thể hiện năng lực khác nhau của người học. Bảng sau đây mô tả các phương pháp đánh giá và cách áp dụng tương ứng để đánh giá năng lực của người học.

Phương pháp	Mô tả
Quan sát trực tiếp	<ul style="list-style-type: none">▪ Đánh giá thực tế, trực tiếp tại nơi làm việc.▪ Đánh giá trong môi trường mô phỏng ngoài nơi làm việc nhưng phản ánh thực tế tại nơi làm việc.▪ Đánh giá kỹ năng thực hành của người học trong các tình huống thực tế tại xưởng thực hành/phòng mô phỏng của trường hoặc tại doanh nghiệp (nếu có chương trình thực tập). Các tình huống mô phỏng phải phản ánh sát với điều kiện làm việc thực tế trong ngành Logistics.
Đánh giá dựa trên sản phẩm	<ul style="list-style-type: none">▪ Các hoạt động đánh giá có cấu trúc như báo cáo, trình bày, mẫu sản phẩm, đóng vai và thuyết trình.▪ Đánh giá các sản phẩm học tập do người học tạo ra, ví dụ: các báo cáo phân tích, kế hoạch logistics, bộ chứng từ hoàn chỉnh, bài thuyết trình, dự án nhóm.

Phương pháp	Mô tả
Portfolio (Hồ sơ năng lực):	<ul style="list-style-type: none"> Một bộ sưu tập các mẫu sản phẩm được chú thích và xác thực do người học tổng hợp. Bằng chứng có thể bao gồm tài liệu viết, hình ảnh, video, số ghi chép. Khuyến khích người học xây dựng hồ sơ năng lực, tổng hợp các bằng chứng về quá trình học tập và kết quả đạt được qua các đơn vị năng lực.
Đặt câu hỏi	<ul style="list-style-type: none"> Thích hợp hơn cho việc đánh giá bằng chứng về kiến thức Có thể bao gồm câu hỏi viết hoặc vấn đáp, thực hiện phỏng vấn và bảng câu hỏi. Sử dụng các câu hỏi viết (trắc nghiệm, tự luận), câu hỏi vấn đáp, phỏng vấn tình huống, và bài tập tình huống để đánh giá kiến thức, khả năng tư duy và giải quyết vấn đề của người học.
Bằng chứng từ bên thứ ba (nếu phù hợp và có thể xác thực)	<ul style="list-style-type: none"> Bằng chứng bổ sung được cung cấp cho đánh giá viên để hỗ trợ khẳng định năng lực của thí sinh. Các bằng chứng có thể là báo cáo từ người giám sát, đồng nghiệp và/hoặc khách hàng, nhận xét từ nhà tuyển dụng, sổ nhật ký công việc và bằng chứng về đào tạo. Có thể xem xét các báo cáo, nhận xét từ người hướng dẫn tại doanh nghiệp trong quá trình thực tập (nếu có), hoặc kết quả từ các dự án hợp tác với doanh nghiệp.

Đối với các đơn vị năng lực được triển khai đào tạo và đánh giá tại doanh nghiệp:

Phương pháp, nội dung, quy trình và nguồn lực đánh giá phải được cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp thống nhất trên cơ sở yêu cầu của đơn vị năng lực mà hai bên phối hợp đào tạo, gắn với đặc thù và điều kiện cơ sở vật chất của doanh nghiệp, tuy nhiên phải đảm bảo các quy định về cơ sở vật chất và người đánh giá theo yêu cầu của nhà nước Việt Nam (quy định về trang thiết bị, chuẩn giảng viên, an toàn vệ sinh lao động,...).

Đối với các đơn vị năng lực được “nhập khẩu” hoặc tham khảo từ các gói đào tạo của Úc

Việc đánh giá các đơn vị năng lực được "nhập khẩu" hoặc tham khảo từ các gói đào tạo (TLI và BSB) của Úc sẽ được điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh và tiêu chuẩn của Việt Nam, đồng thời vẫn giữ được tinh thần và yêu cầu cốt lõi của đơn vị năng lực gốc.

Công nhận kết quả học tập trước đây (RPL) và Chuyển đổi tín chỉ:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp sẽ thực hiện quy trình công nhận kết quả học tập trước đây và

chuyển đổi tín chỉ cho người học theo quy định hiện hành, tạo điều kiện cho người học đã có kinh nghiệm hoặc đã hoàn thành các học phần tương đương từ các chương trình đào tạo khác.

3.2. Năng lực của đánh giá viên

Chỉ những đánh giá viên đáp ứng các yêu cầu quy định theo Tiêu chuẩn và Quy định hiện hành của Việt Nam dành cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đánh giá viên giáo dục nghề nghiệp mới được thực hiện kiểm tra, đánh giá các đơn vị năng lực trong chương trình đào tạo này.

Các yêu cầu bổ sung về năng lực nghề nghiệp chuyên môn (nếu có, ví dụ):

Ngoài các chứng chỉ về nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng đánh giá theo quy định, các đánh giá viên tham gia đánh giá các đơn vị năng lực chuyên ngành Logistics cần phải có:

- Bằng cấp chuyên môn từ trình độ Cao đẳng trở lên thuộc ngành Logistics, Quản trị Chuỗi cung ứng hoặc các ngành liên quan mật thiết.

- Thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn, công nghệ mới và các quy định pháp luật trong lĩnh vực Logistics.

- Đã được bồi dưỡng về chiến lược đào tạo và đánh giá theo năng lực thực hiện – CBTA.

+ Các yêu cầu bổ sung này cần điều chỉnh theo quy định cụ thể của trường, doanh nghiệp và yêu cầu của ngành.

Việc đánh giá các đơn vị năng lực được "nhập khẩu" từ các gói đào tạo TLI của Úc sẽ được thực hiện bởi các đánh giá viên đáp ứng các yêu cầu trên và được bổ sung kiến thức về bối cảnh áp dụng của đơn vị năng lực gốc, đồng thời đảm bảo việc đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn và thực tiễn của Việt Nam.

3.3. Hình thức đào tạo

Chương trình đào tạo ngành, nghề Logistics trình độ Cao đẳng được thiết kế với các hình thức đào tạo linh hoạt, kết hợp nhằm tối ưu hóa trải nghiệm học tập và đảm bảo người học đạt được chuẩn đầu ra. Các hình thức đào tạo chính bao gồm:

- Đào tạo tại chỗ (Internal delivery - Giảng dạy trực tiếp):

+ Các buổi học lý thuyết, thảo luận, và thực hành có hướng dẫn được tổ chức tại các phòng học, phòng máy tính, xưởng thực hành/phòng mô phỏng của cơ sở đào tạo.

+ Sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm, tăng cường tương tác và áp dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tế.

+ Có thể kết hợp các buổi học trực tuyến đồng bộ (synchronous online learning) qua các nền tảng quản lý học tập (LMS) và hội nghị truyền hình để tăng tính linh hoạt.

- Đào tạo tại nơi làm việc (Work-based learning - nếu có):

+ Tổ chức cho sinh viên tham gia các đợt thực tập, kiến tập tại các doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp sản xuất có bộ phận logistics để cọ xát với thực tế, vận dụng kiến thức đã học và học hỏi kinh

nghiệm từ các chuyên gia trong ngành.

+ Tùy đặc thù và thế mạnh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhà trường chọn một số đơn vị năng lực, phối hợp với doanh nghiệp để đào tạo tại doanh nghiệp. Đối với các đơn vị năng lực được triển khai đào tạo và đánh giá tại doanh nghiệp bắt buộc, nhà trường cần mô tả chi tiết trong chương trình đào tạo đơn vị năng lực tương ứng.

- Học tập kết hợp (Blended learning):

+ Kết hợp giữa học tập trực tiếp tại lớp và các hoạt động học tập trực tuyến không đồng bộ (asynchronous online activities) trên hệ thống LMS, bao gồm: tự nghiên cứu tài liệu, xem video bài giảng, làm bài tập trực tuyến, tham gia diễn đàn thảo luận.

Các cơ chế hỗ trợ đào tạo:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải cam kết cung cấp các dịch vụ hỗ trợ nhằm tối đa hóa khả năng hoàn thành chương trình của người học:

- **Hỗ trợ học thuật:** Tổ chức các buổi phụ đạo, tư vấn học tập cho sinh viên gặp khó khăn; cung cấp tài liệu học tập đa dạng (giáo trình, bài giảng điện tử, tài liệu tham khảo).
- **Hỗ trợ kỹ năng mềm:** Tổ chức các buổi workshop, khóa học ngắn hạn về kỹ năng mềm cần thiết (giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, quản lý thời gian).
- **Hỗ trợ về ngôn ngữ (Tiếng Anh):** Có các học phần Tiếng Anh chuyên ngành và có thể có các lớp bổ trợ Tiếng Anh nếu cần.
- **Hỗ trợ kết nối doanh nghiệp:** Tổ chức các buổi tham quan doanh nghiệp, ngày hội việc làm, giới thiệu cơ hội thực tập và việc làm cho sinh viên.
- **Hỗ trợ cho sinh viên khuyết tật:** Trang bị xe lăn, vật dụng chuyên dụng cho việc đi lại của người học khuyết tật và các trang thiết bị hỗ trợ học tập như hệ thống máy tính chuyên dụng, máy dịch tiếng nói thành chữ,... nhằm hỗ trợ người học tiếp thu bài giảng một cách tốt nhất
- **Hỗ trợ người có kỹ năng nền tảng hạn chế:** (ví dụ: giảng viên, bạn học dành thời gian hỗ trợ người học này,...)

Bối cảnh hóa nội dung đào tạo:

Nội dung các đơn vị năng lực có thể được điều chỉnh và đưa vào bối cảnh cụ thể để phản ánh nhu cầu đặc thù của các nhóm doanh nghiệp hoặc các xu hướng mới nổi trong ngành Logistics tại địa phương và khu vực, miễn là đảm bảo tính toàn vẹn của chuẩn đầu ra quốc gia. Việc này có thể bao gồm việc sử dụng các ví dụ, tình huống, dự án thực tế từ các doanh nghiệp đối tác.

3.4. Nguồn lực

Các cơ sở vật chất, trang thiết bị và năng lực của giảng viên cần thiết cho chương trình đào tạo này bao gồm:

Cơ sở vật chất và trang thiết bị:

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần trang bị và duy trì các nguồn

lực sau:

- **Phòng học lý thuyết:** Đầy đủ trang thiết bị nghe nhìn (máy chiếu, màn hình, âm thanh), kết nối internet.

- **Phòng máy tính:** Máy tính có cấu hình phù hợp, cài đặt các phần mềm văn phòng (Microsoft Office hoặc tương đương), phần mềm chuyên ngành Logistics (ví dụ: phần mềm mô phỏng WMS, TMS, phần mềm khai báo hải quan ECUS/VNACCS phiên bản đào tạo/demo) và có kết nối internet tốc độ cao.

- **Xưởng thực hành/Phòng mô phỏng nghiệp vụ Logistics:**

- + Không gian mô phỏng kho hàng với các loại kệ giá, khu vực nhập/xuất hàng, các loại hàng hóa mẫu, bao bì, nhãn mác.

- + Thiết bị kho cơ bản: xe nâng tay, xe đẩy hàng, cân điện tử, máy quét mã vạch. *(Nếu có điều kiện, có thể trang bị mô hình xe nâng điện tầm thấp hoặc các thiết bị hiện đại hơn).*

- + Bộ chứng từ mẫu (phiếu nhập/xuất kho, B/L, AWB, Invoice, Packing List, C/O, tờ khai hải quan mẫu,...).

- + Bản đồ, sơ đồ vận tải, các công cụ hỗ trợ lập kế hoạch.

- + Phần mềm Logistics với đầy đủ các phân hệ: Phần mềm Logistics với các phân hệ chính: Quản lý quan hệ khách hàng (CRM), Quản lý kho (WMS), Quản lý vận tải (TMS), và các chức năng hỗ trợ nghiệp vụ giao nhận, XNK,...

- + Phần mềm khai báo Hải quan.

- + Kết nối với doanh nghiệp đối với trang thiết bị đặc thù.

- **Thư viện/Nguồn học liệu:** Giáo trình, sách tham khảo chuyên ngành Logistics (tiếng Việt và tiếng Anh), tài liệu điện tử, quyền truy cập vào các cơ sở dữ liệu ngành (nếu có).

- **Năng lực của giảng viên:**

Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo ngành, nghề Logistics trình độ Cao đẳng phải đáp ứng các yêu cầu theo Tiêu chuẩn và Quy định hiện hành của Việt Nam dành cho nhà giáo dục nghề nghiệp.

Ngoài ra, giảng viên giảng dạy các đơn vị năng lực chuyên ngành cần phải có:

- + Bằng cấp chuyên môn từ trình độ Đại học trở lên thuộc ngành Logistics, Quản trị Chuỗi cung ứng, Kinh tế vận tải, Thương mại quốc tế hoặc các ngành đào tạo có liên quan trực tiếp đến nội dung giảng dạy.

- + Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

- + Khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành để nghiên cứu tài liệu và giảng dạy (đặc biệt cho các học phần có yếu tố quốc tế hoặc sử dụng tài liệu tiếng Anh).

- + Thường xuyên tham gia các khóa bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, công nghệ mới và các thay đổi trong quy định pháp luật ngành Logistics.

+ Được tập huấn về chiến lược đào tạo và đánh giá theo năng lực thực hiện.

Hoạt động giảng dạy các đơn vị năng lực được "nhập khẩu" hoặc tham khảo từ gói đào tạo TLI của Úc phải được thực hiện bởi giảng viên có hiểu biết về bối cảnh của đơn vị năng lực gốc và có khả năng điều chỉnh phương pháp, nội dung cho phù hợp với điều kiện Việt Nam.

4. Lộ trình học tập và liên thông

Lộ trình học tập trong chương trình

Người học sẽ học các đơn vị năng lực bắt buộc (Core Units of Competency) và lựa chọn các đơn vị năng lực tự chọn (Elective Units of Competency) theo cấu trúc chương trình đã được phê duyệt. Các đơn vị năng lực có thể được sắp xếp theo học kỳ một cách logic, đảm bảo các kiến thức và kỹ năng nền tảng được trang bị trước khi học các nội dung chuyên sâu hơn hoặc các đơn vị năng lực có điều kiện tiên quyết.

Các lộ trình liên thông tiềm năng sau khi tốt nghiệp:

- Sau khi hoàn thành Chương trình Đào tạo ngành/nghề Logistics trình độ Cao đẳng, người học có đủ điều kiện để liên thông lên các chương trình đào tạo trình độ Đại học thuộc các ngành như: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Kinh tế Vận tải, Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh hoặc các ngành có liên quan tại các trường Đại học trong và ngoài nước (theo quy chế tuyển sinh và quy định liên thông hiện hành của các trường đó).
- Việc hoàn thành một số đơn vị năng lực trong chương trình này, đặc biệt là những đơn vị năng lực có tham khảo từ các gói đào tạo TLI, BSB của Úc, có thể được xem xét công nhận tín chỉ khi người học có nhu cầu học tập hoặc làm việc tại các quốc gia có áp dụng các chuẩn năng lực tương đương, tùy theo chính sách công nhận của từng tổ chức và quốc gia.

5. Giám sát và đánh giá

Giám sát và đánh giá thường xuyên

Chủ sở hữu chương trình đào tạo chịu trách nhiệm về việc giám sát và đánh giá thường xuyên Chương trình đào tạo ngành, nghề Logistics trình độ Cao đẳng trong suốt thời gian chương trình được cấp phép triển khai, nhằm đảm bảo tính phù hợp, cập nhật và chất lượng của chương trình.

Quy trình giám sát và đánh giá bao gồm các hoạt động chính sau:

- 1/ Thu thập phản hồi định kỳ: Tổ chức thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, bao gồm:
 - Người học (về nội dung, phương pháp giảng dạy, đánh giá, nguồn lực hỗ trợ).
 - Giảng viên và đánh giá viên (về tính khả thi, những khó khăn và đề xuất cải tiến).

- Doanh nghiệp và cựu sinh viên (về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên tốt nghiệp, các xu hướng mới của ngành).

2/ Rà soát nội dung chương trình: Hội đồng Khoa/Ngành hoặc Ban Phát triển Chương trình sẽ tiến hành rà soát toàn bộ nội dung chương trình, các đơn vị năng lực, chuẩn đầu ra ít nhất 1 lần/năm hoặc giữa chu kỳ kiểm định để so sánh với những thay đổi của công nghệ, quy định pháp luật, nhu cầu thị trường lao động và các tiêu chuẩn ngành mới.

3/ Đánh giá kết quả đầu ra: Phân tích tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, mức độ hài lòng của doanh nghiệp sử dụng lao động.

4/ Tham vấn chuyên gia: Tổ chức các hội thảo, tọa đàm với các chuyên gia trong ngành, đại diện doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo khác để trao đổi, cập nhật thông tin và nhận các góp ý cải tiến chương trình.

Các bên liên quan chính tham gia vào quy trình giám sát và đánh giá bao gồm: Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo, Phòng Đảm bảo Chất lượng, Khoa/Bộ môn phụ trách ngành Logistics, giảng viên, đại diện sinh viên, cựu sinh viên, đại diện các doanh nghiệp đối tác và các chuyên gia ngành.

Cơ quan Quản lý Giáo dục nghề nghiệp (Phòng Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên, Cục Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên) sẽ được thông báo về bất kỳ thay đổi, điều chỉnh nào được đề xuất đối với chương trình đào tạo xuất phát từ kết quả của các quy trình giám sát và đánh giá này. Nếu cần thiết, cơ sở giáo dục nghề nghiệp sẽ cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan cho cơ quan quản lý để hỗ trợ việc xác định liệu chương trình đào tạo có còn phù hợp và tiếp tục tuân thủ các Tiêu chuẩn theo quy định hay không.

Mọi điều chỉnh đối với chương trình đào tạo dựa trên kết quả giám sát và đánh giá, sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, sẽ được cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông báo kịp thời và đầy đủ đến bất kỳ cơ sở giáo dục nghề nghiệp nào khác (nếu có) được cấp phép hoặc nhượng quyền để giảng dạy chương trình đào tạo này.

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO (DELIVERY PLAN)

Ngành, nghề: Logistics - Trình độ Cao đẳng

TRÌNH ĐỘ (QUALIFICATION): CAO ĐẲNG LOGISTICS

I. MÔ TẢ VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mô tả (Description)

Chương trình này được thiết kế để trang bị cho người học kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để tổ chức, giám sát, điều phối các hoạt động logistics; phân tích và giải quyết vấn đề tác nghiệp trong chuỗi cung ứng.

Người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí như Nhân viên Quản lý và vận hành kho, Nhân viên Giám sát/Điều phối kho vận; Nhân viên Chứng từ và thủ tục xuất nhập khẩu/Hải quan; Nhân viên Điều phối Logistics và vận tải; Nhân viên Dịch vụ khách hàng Logistics; Nhân viên Kinh doanh Logistics.

Thời gian đào tạo (Duration)

Chương trình này được thực hiện theo hình thức đào tạo toàn thời gian trong hai năm rưỡi (2.5 năm), tương đương 5 học kỳ.

Số giờ học tập (Contact hours):

Số giờ học tập (Contact hours) (Số giờ học danh nghĩa có giám sát):

Trình độ này bao gồm [Tổng số giờ Core + Tổng số giờ Elective sinh viên chọn] giờ học toàn thời gian.

- Tổng số giờ UoC bắt buộc = **1245 giờ** (25 UoC)
- Sinh viên chọn **4 UoC tự chọn** (trung bình 45 giờ/UoC) = $4 * 45 = 180$ giờ.
- Vậy, tổng số giờ học tập (có giám sát) = $1245 + 180 = 1425$ giờ.

Trình độ này bao gồm **1425 giờ** học toàn thời gian (có giám sát).

Bảng tổng hợp thời gian theo năm và học kỳ:

Trình độ này bao gồm **1425 giờ** học toàn thời gian.

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO (DELIVERY PLAN)

Ngành, nghề Logistics - Trình độ Cao đẳng

Năm (Year)	Học kỳ (Semester)	Số tuần (Weeks)	Số giờ/tuần (Delivery hours)	Tổng số giờ (Total hours)
1	1 – Học kỳ I	18	~ 16	285
	2 – Học kỳ II	18	~ 18	330
	Thi lại (Resits and resubmissions)	2-3		
2	3 – Học kỳ III	18	~ 16	285
	4 – Học kỳ IV	18	~ 16	285
	Thi lại (Resits and resubmissions)	2-3		
3	5 – Học kỳ V	16	~ 15	240
	Thi lại (Resits and resubmissions)	2-3		
Tổng số giờ (Total hours)		90		1.425

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO (DELIVERY PLAN)

Ngành, nghề Logistics - Trình độ Cao đẳng

II. Kế hoạch đào tạo (Delivery plan) - Phân bổ UoC vào các học kỳ và tuần:

Đây là phần cân sự cân nhắc kỹ lưỡng về tính logic, thứ tự học (UoC tiên quyết học trước) và sự cân đối khối lượng học tập mỗi học kỳ.

Đề xuất các "Luồng/Nhóm môn học chính" cho ngành Logistics:

1. Kiến thức và Kỹ năng chung (General Knowledge & Skills): Bao gồm các UoC nền tảng, kỹ năng mềm.
2. Nghiệp vụ Kho vận (Warehouse Operations): Các UoC liên quan đến kho.
3. Nghiệp vụ Vận tải và Giao nhận (Transport & Forwarding Operations): Các UoC liên quan đến vận tải, giao nhận, XNK, hải quan.
4. Quản lý và Tối ưu hóa Logistics (Logistics Management & Optimization): Các UoC liên quan đến quản lý, giám sát, phân tích chi phí, cải tiến, công nghệ.
5. Năng lực tự chọn (Electives): Phân bổ các UoC tự chọn.

Phân bổ sơ bộ các UoC Core (25 UoC = 1245 giờ) và UoC Elective (4 UoC = 180 giờ) vào 5 học kỳ (mỗi học kỳ khoảng từ 240 - 325 giờ, tương đương 5 - 8 UoC).

Số giờ học trung bình/tuần: $1425 \text{ giờ} / 88 \text{ tuần} =$ khoảng **16,19 giờ/tuần**. Chúng ta có thể làm tròn thành **16 giờ/tuần** và có một số tuần nhiều hơn chút hoặc 18 giờ/tuần và có một số tuần ít hơn. Giả sử trung bình **16 giờ/tuần (4 buổi)**.

- Mỗi học kỳ 18 tuần * 16 giờ/tuần = 288 giờ.
- 5 học kỳ * 288 giờ/học kỳ = 1440 giờ (gần với 1245 giờ UoC Core, 180 giờ UoC Elective)

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO (DELIVERY PLAN)

Ngành, nghề Logistics - Trình độ Cao đẳng

Delivery Plan

Năm 1 (Year 1)

(Tập trung vào các môn nền tảng, kỹ năng chung và nghiệp vụ vận hành kho cơ bản)

Học kỳ	Tuần	Kiến thức & Kỹ năng chung (~5-6 giờ/tuần)	Nghiệp vụ Vận hành Kho (Phần 1) (~5-6 giờ/tuần)	Nghiệp vụ Vận tải & Giao nhận (Cơ bản) (~5-6 giờ/tuần)
1	1 - 4	CDLOG.CORE.001: Ứng dụng kiến thức Logistics và chuỗi cung ứng cơ bản (P1/2 – 30 giờ)	CDLOG.CORE.002: Áp dụng quy trình An toàn lao động và đảm bảo sức khỏe tại nơi làm việc (45 giờ)	
(285 giờ)	5 - 8	CDLOG.CORE.001: Ứng dụng kiến thức Logistics và chuỗi cung ứng cơ bản (P2/2 – 30 giờ)	CDLOG.CORE.003: Áp dụng biện pháp an ninh, an toàn hàng hóa (45 giờ)	
	9 - 13	CDLOG.CORE.004: Làm việc nhóm hiệu quả (45 giờ)	CDLOG.CORE.009: Vận hành thiết bị kho cơ bản (30 giờ)	CDLOG.CORE.010: Xử lý thông tin hàng hóa cơ bản (45 giờ)
	14 - 18	CDLOG.CORE.005: Giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc (45 giờ)		

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO (DELIVERY PLAN)

Ngành, nghề Logistics - Trình độ Cao đẳng

Học kỳ	Tuần	Kiến thức & Kỹ năng chung (~5-6 giờ/tuần)	Nghiệp vụ Vận hành Kho (Phần 1) (~5-6 giờ/tuần)	Nghiệp vụ Vận tải & Giao nhận (Cơ bản) (~5-6 giờ/tuần)
2	1 - 5	CDLOG.CORE.023: Sử dụng Tiếng Anh chuyên ngành Logistics (P1/2 – 30 giờ)	CDLOG.CORE.006: Nhận và lưu trữ hàng hóa (60 giờ)	
(330 giờ)	6 - 9	CDLOG.CORE.023: Sử dụng Tiếng Anh chuyên ngành Logistics (P2/2 – 30 giờ)	CDLOG.CORE.007: Sắp xếp và bảo quản hàng hóa (30 giờ)	CDLOG.CORE.016: Giao nhận hàng hóa (P1/2 – 30 giờ)
	10 - 14		CDLOG.CORE.008: Tổ chức xuất hàng (60 giờ)	CDLOG.CORE.016: Giao nhận hàng hóa (P2/2 – 30 giờ)
	15 - 18		CDLOG.CORE.011: Quản lý hàng tồn kho (P1/2 – 30 giờ)	CDLOG.CORE.014: Tổ chức vận tải hàng hóa (45 giờ)

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO (DELIVERY PLAN)

Ngành, nghề Logistics - Trình độ Cao đẳng

Năm 2 (Year 2)

(Đi sâu vào nghiệp vụ chuyên ngành, công nghệ và các kỹ năng quản lý ban đầu)

Học kỳ	Tuần	Nghiệp vụ XNK & Pháp luật (~5-6 giờ/tuần)	Quản lý & Tối ưu hóa (~5-6 giờ/tuần)	Công nghệ & Môn tự chọn (~5-6 giờ/tuần)
3	1 - 5	CDLOG.CORE.017: Khai báo hải quan (45 giờ)	CDLOG.CORE.011: Quản lý hàng tồn kho (P2/2 - 30 giờ)	CDLOG.CORE.012: Sử dụng phần mềm Logistics (P1/3 - 25 giờ)
(285 giờ)	6 - 10	CDLOG.CORE.019: Vận dụng pháp luật về logistics và vận tải (45 giờ)	CDLOG.CORE.025: Áp dụng nguyên tắc Chuỗi cung ứng bền vững (Logistics xanh) (45 giờ)	CDLOG.CORE.012: Sử dụng phần mềm Logistics (P2/3 - 25 giờ)
	11 - 15	CDLOG.CORE.020: Vận dụng chính sách thuế xuất nhập khẩu (45 giờ)		CDLOG.CORE.012: Sử dụng phần mềm Logistics (P3/3 - 25 giờ)
	16 - 18			CDLOG.ELEC.xxx: Môn tự chọn 1 (45 giờ)
4	1 - 5	CDLOG.CORE.021: Đàm phán hợp đồng (45 giờ)	CDLOG.CORE.013: Giám sát vận hành kho (60 giờ)	

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO (DELIVERY PLAN)

Ngành, nghề Logistics - Trình độ Cao đẳng

Học kỳ	Tuần	Nghiệp vụ XNK & Pháp luật (~5-6 giờ/tuần)	Quản lý & Tối ưu hóa (~5-6 giờ/tuần)	Công nghệ & Môn tự chọn (~5-6 giờ/tuần)
(285 giờ)	6 - 10		CDLOG.CORE.024: Điều phối nhóm làm việc (45 giờ)	CDLOG.ELEC.xxx: Môn tự chọn 2 (45 giờ)
	11 - 15		CDLOG.CORE.022: Xây dựng và duy trì quan hệ công việc (45 giờ)	
	16 - 18			CDLOG.ELEC.xxx: Môn tự chọn 3 (45 giờ)

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO (DELIVERY PLAN)

Ngành, nghề Logistics - Trình độ Cao đẳng

Năm 3 (Year 3)

(Hoàn thiện các kỹ năng quản lý, quan hệ đối tác và chuyên môn sâu)

Học kỳ	Tuần	Quản trị quan hệ & Tối ưu hóa (~8-9 giờ/tuần)	Công nghệ & Chuyên sâu (~6-7 giờ/tuần)
5	1 - 6	CDLOG.CORE.015: Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp dịch vụ Logistics (60 giờ)	CDLOG.CORE.018: Ứng dụng công nghệ trong quản lý logistics (45 giờ)
(240 giờ)	7 - 11		CDLOG.ELEC.xxx: Môn tự chọn 4 (45 giờ)
	12 - 16	Thực tập tốt nghiệp / Dự án cuối khóa (90 giờ)	